

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN KIM ĐỘNG**  
**TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2024/QĐST-DS

Kim Động, ngày 04 tháng 9 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 và Điều 299 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST - DS ngày 02 tháng 4 năm 2024.

### **XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hồng B – chức vụ: Trưởng Phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh Khách hàng cá nhân Miền B – Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng TMCP V theo văn bản uỷ quyền số 62/2023/UQN-CTQT ngày 02/8/2023.

Người được uỷ quyền lại: Ông Quách Đức T – Chuyên viên phòng xử lý nợ.

Đều có địa chỉ làm việc: Tầng E tòa nhà V, G D, quận C, thành phố Hà Nội.

\* *Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng*

**Thương mại cổ phần V:** Công ty cổ phần M1; địa chỉ: Tầng A tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Công T1** – Chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Cao Duy T2** – Chức vụ: Trưởng phòng XLN Miền Bắc.

- Người được uỷ quyền lại: Ông **Trần Huy H** – chức vụ: Trưởng bộ phận XLN, ông **Lê Thanh B1** và ông **Trương Quang M** – đều có chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Đều có địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, quận C, thành phố Hà Nội.

\* **Bị đơn:** Chị **Phan Thị Bích T3**, sinh năm 1983; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Lương Hội, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về khoản nợ:* Tính đến ngày 23/8/2024, đại diện **Ngân hàng Thương mại cổ phần V**, đại diện **Công ty Cổ phần M1** và chị **Phan Thị Bích T3** thống nhất xác định, chị **T3** còn nợ **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** và **Công ty Cổ phần M1** tổng số tiền là 1.343.535.580 đồng (*một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi đồng*), trong đó: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/11/2022, tổng số tiền chị **T3** còn nợ là 103.680.749 đồng, trong đó: nợ gốc là 78.221.610 đồng; nợ lãi và phí: 25.459.139 đồng; Hợp đồng cho vay hạn mức số : LN 2210247194383 ngày 01/11/2022, tổng số tiền chị **T3** còn nợ là 1.164.447.716 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi và phí: 164.447.716 đồng (Tổng số tiền chị **T3** còn nợ theo hai hợp đồng nêu trên là: 1.268.128.465 đồng); Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/10/2022, chị **T3** còn nợ tổng số tiền là 75.407.114 đồng, trong đó nợ gốc là 49.981.235 đồng; nợ lãi và phí là 25.425.879 đồng.

2.2. *Về phương thức và thời hạn trả nợ:* Các bên thống nhất thoả thuận:

+ *Đối với khoản nợ tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/11/2022, Hợp đồng cho vay hạn mức số : LN 2210247194383 ngày 01/11/2022, tổng số tiền chị T3 còn nợ tính đến ngày 23/8/2024 là 1.268.128.465 đồng:* Chậm nhất ngày 30/9/2024, chị **T3** phải thanh toán trả nợ số tiền là 1.268.128.465 đồng (*một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng*) cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** và **Công ty cổ phần M1**, cụ thể như sau: Chị **T3** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** 10% khoản nợ nêu trên, tương đương với số tiền là 126.812.847 đồng và chị **T3** phải trả cho **Công ty Cổ phần M1** 90% khoản nợ nêu trên, tương đương với số tiền là: 1.141.315.618 đồng. Chị **T3** phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, các khoản phí theo đúng các hợp đồng; giấy vay nợ đã ký



kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ và phải trả theo tỷ lệ cụ thể là chi **T3** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** 10% khoản nợ và **Công ty Cổ phần M1** 90% khoản nợ.

Nếu chi **T3** vi phạm thời hạn trả nợ nêu trên thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** và **Công ty Cổ phần M1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc chi phải thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Chi **T3** còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

+ Đối với khoản nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 23/8/2024, chi **T3** còn nợ số tiền là 75.407.114 đồng theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/10/2022: Chậm nhất ngày 30/9/2024, chi **T3** phải trả cho **Công ty Cổ phần M1** số tiền là 75.407.114 đồng. Chi **T3** phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, các khoản phí theo đúng các hợp đồng; giấy vay nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu chi **T3** vi phạm thời hạn trả nợ nêu trên thì **Công ty Cổ phần M1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc chi phải thực hiện thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ. Chi **T3** còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/10/2022 đã ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần V** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

Trong trường hợp chi **T3** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty Cổ phần M1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 463, TĐĐ số 20, địa chỉ: **Thôn B, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số DG 997391 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H** cấp cho chi **T3** ngày 07/9/2022. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không trả hết nợ cho **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty cổ phần M1** thì **Ngân hàng TMCP V** và **Công ty cổ phần M1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, phát mại tài sản khác của chi **T3** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **ngân hàng TMCP V** và **Công ty cổ phần M1** cho đến khi trả hết khoản nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án theo nội dung thỏa thuận trên, cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN 2210247194383 ngày 01/11/2022 ;Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 09/11/2022 và

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 24/10/2022, được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1) với chị Phan Thị Bích T3 trên phần nợ gốc tương ứng với số tiền chậm trả từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đầu tiên cho đến khi thi hành xong phần nợ gốc.

2.3. Về án phí: Chị T3 tự nguyện chịu 26.153.034 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 24.338.000 đồng do ông Quách Đức T là người nộp thay Ngân hàng theo biên lai thu số 0000924 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Văn Quyền**

















